

Số: 54/2019/QĐST- HNGĐ

Hải Dương, ngày 08 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Thúy Hà – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh – Kiểm sát viên, tham gia phiên họp.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/9/2019, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định mở phiên họp số 125/2019/QĐMPH-HNGĐ ngày 30/9/2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu:

1. Anh Phan Quốc Vĩnh, sinh ngày 24/5/1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xã G, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại: Cộng hòa Séc (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị A, sinh ngày 19/01/1989.

Địa chỉ : Số 119 Lê Thanh N, phường Phạm Ngũ L, thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị Nguyễn Thị A và anh Phan Quốc V cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện :

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn, chị Nguyễn Thị A và anh Phan Quốc V có thời gian sống hạnh phúc, cùng nhau tại Cộng Hòa Séc khoảng 4 năm, hai bên đã có con chung. Đến ngày 17/10/2014 anh Vĩnh, chị A đến Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng Hòa Séc để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do làm ăn kinh tế khó khăn, quan điểm vợ chồng bất đồng, hai bên không còn tin tưởng nhau. Đỉnh điểm mâu thuẫn xảy ra đầu năm 2016, chị A đưa con về Việt Nam sinh sống, hai bên chấm dứt liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cùng thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phan Quốc K, sinh ngày 15/9/2012. Do thời điểm sinh con anh V, chị A chưa làm thủ tục kết hôn nên trong giấy khai sinh chỉ đứng tên chị A. Ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận chị A nuôi con, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị A 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài liệu anh V gửi về gồm đơn xin ly hôn, bản tự khai, bản thỏa thuận về việc giao con chung khi vợ chồng ly hôn, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt đều đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Do điều kiện anh V lao động, sinh sống tại Cộng hòa Séc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị A giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Do điều kiện công việc, anh V và chị A đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

-Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị A và anh Phan Quốc V đã trầm trọng và kéo dài, nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thỏa thuận ly hôn của chị A, anh Vĩnh; Về con chung: Giao cháu Phan Quốc K cho chị A nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị A 5.000.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị A và anh Phan Quốc V có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh V hiện đang lao động, làm việc tại Cộng hòa Séc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án chị A, anh V đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt chị A, anh Vĩnh.

[2]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị A và anh Phan Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng Hòa Séc ngày 17/10/2014, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Trước khi kết hôn và sau khi kết hôn hai bên có thời gian dài sống hạnh phúc. Cuối năm 2015 hai bên bắt đầu quan điểm về kinh tế, dẫn đến không tin tưởng nhau. Đầu năm 2016 chị A đưa con về Việt Nam sinh sống, vợ chồng bắt đầu sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn biện pháp khắc phục và đều có đơn xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị A, anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, anh V.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Phan Quốc V có một con chung là Phan Quốc K, sinh ngày 15/9/2012, hiện con đang sinh sống, học tập tại Việt Nam, khi ly hôn chị A anh V thỏa thuận, chị A nuôi con, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị A 5.000.000đ/tháng, cháu Khánh có quan điểm muốn được ở với mẹ. Xét thấy thỏa thuận của chị A, anh V phù hợp với nguyện vọng của cháu K và pháp luật, nên có căn cứ giao cháu Khánh cho chị A nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về Lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị A tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 55, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Phan Quốc V

- Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị A và anh Phan Quốc V về việc giao con chung Phan Quốc K, sinh ngày 15/9/2012 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh V cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị A 5.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì sẽ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị A tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0009581 ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền